

**BÁO CÁO**

**Kết quả thực hiện công tác Y tế năm 2023;  
phương hướng, nhiệm vụ năm 2024**

Năm 2023 là năm có ý nghĩa hết sức quan trọng, tạo nền tảng thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021-2025. Tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội sau dịch COVID-19;

Dưới sự chỉ đạo sát sao, kịp thời của Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh, Bộ Y tế; sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị; toàn thể công chức, viên chức, người lao động ngành Y tế từ tỉnh đến cơ sở đã nỗ lực phấn đấu và đã cơ bản đạt được các chỉ tiêu, nhiệm vụ trong năm thứ ba thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021 - 2025, cụ thể như sau:

**Phần thứ nhất**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ NĂM 2023**

**I. CÔNG TÁC THAM MƯU, TỔ CHỨC CHỈ ĐẠO**

Tổ chức triển khai thực hiện các nhiệm vụ, bảo đảm thực hiện các mục tiêu Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVII về lĩnh vực y tế;

Tham mưu, trình Ủy ban nhân tỉnh ban hành các Kế hoạch liên quan đến lĩnh vực Ngành quản lý năm 2022;

Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch số 39/KH-UBND ngày 27/01/2023 của UBND tỉnh thực hiện Đề án “Nâng cao năng lực ngành y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” năm 2023;

Thực hiện các nhiệm vụ được giao trong Chương trình công tác chủ yếu của Ban Thường vụ Tỉnh ủy và UBND tỉnh năm 2023<sup>1</sup>;

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai có kết quả các Kế hoạch<sup>2</sup>: Quyết định<sup>3</sup> của UBND tỉnh liên quan đến lĩnh vực quản lý của Ngành;

<sup>1</sup> Thực hiện đồng bộ, hiệu quả Chương trình phòng chống dịch Covid-19, tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch bệnh, chuẩn bị các phương án ứng phó hiệu quả với các tình huống dịch bệnh khác có thể xảy ra. Tăng cường y tế cơ sở, y tế dự phòng, bảo đảm năng lực khám, chữa bệnh, phòng, chống dịch của hệ thống y tế, thực hiện tốt nhiệm vụ khám, chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe nhân dân.

Triển khai thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2025 và năm 2023 thuộc lĩnh vực Y tế<sup>4</sup>;

Kiểm tra, giám sát công tác y tế tại các cơ sở khám, chữa bệnh; tăng cường kiểm tra, thanh tra hành nghề y, dược tư nhân;

Tiếp tục quyết toán ngân sách nhà nước năm 2022; giao chỉ tiêu Kế hoạch và dự toán ngân sách nhà nước năm 2023 tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

Phối hợp với các ngành liên quan xây dựng Kế hoạch Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023, chỉ đạo tổ chức triển khai thực hiện.

Triển khai thực hiện Dự án 7 - Chăm sóc sức khỏe nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021- 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

Phục tra các xã đạt Tiêu chí Quốc gia về Y tế năm 2022; trình UBND tỉnh Quyết định danh sách các xã, phường, thị trấn đạt Tiêu chí Quốc gia Y tế xã năm 2022;

Đấu thầu thuốc, vật tư, hóa chất bổ sung cho các đơn vị y tế công lập năm 2022 và năm 2023;

Đảm bảo công tác y tế; công tác An toàn vệ sinh thực phẩm phục vụ các sự kiện, Lễ hội lớn diễn ra trên địa bàn tỉnh;

Phối hợp các địa phương, các đơn vị tổ chức triển khai thực hiện các dự án hỗ trợ phát triển hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh<sup>5</sup>.

<sup>2</sup> Kế hoạch số 133/KH-UBND ngày 26/12/2020 về Truyền thông Dân số đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 26/12/2020 về hành động thực hiện Chương trình “Chăm sóc dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời nhằm phòng chống suy dinh dưỡng bà mẹ, trẻ em, nâng cao tầm vóc người Việt Nam” trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Kế hoạch số 46/KH-UBND ngày 21/5/2018 về Thực hiện Kế hoạch số 172-KH/TU ngày 06/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) thực hiện Nghị quyết số 20-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về tăng cường công tác bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân trong tình hình mới; Kế hoạch số 47/KH-UBND ngày 21/5/2018 về Thực hiện Kế hoạch số 173-KH/TU ngày 06/3/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khóa XVI) thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương (khóa XII) về công tác dân số trong tình hình mới; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 21/5/2018 thực hiện Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Tuyên Quang trong tình hình mới” theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ; Kế hoạch số 48/KH-UBND ngày 21/5/2018 Thực hiện Chiến lược Quốc gia về dinh dưỡng tỉnh Tuyên Quang đến 2025, định hướng đến năm 2030; Kế hoạch số 112/KH-UBND ngày 12/12/2018 Thực hiện Chương trình sức khỏe Việt Nam trên địa bàn tỉnh theo Quyết định số 1092/QĐ-TTg ngày 02/9/2018 của Thủ tướng Chính phủ.

<sup>3</sup> Quyết định số 1681/QĐ-UBND ngày 01/12/2020 về việc giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2021-2023.

<sup>4</sup> Quyết định số 2621/QĐ-BYT ngày 21/6/2023 của Bộ Y tế Ban hành hướng dẫn chuyên môn về giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thuộc Tiểu dự án 2, Dự án 9, Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025; Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 16/3/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi tỉnh Tuyên Quang năm 2023.

## II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

*(Chi tiết tại phụ lục gửi kèm)*

### 1. Công tác phòng chống dịch bệnh

Chỉ đạo, giám sát các hoạt động phòng chống dịch bệnh, giám sát chặt chẽ các ca bệnh truyền nhiễm lây lan vào tỉnh; tăng cường các hoạt động kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm mùa Lễ hội và các sự kiện của tỉnh.

### 2. Công tác phòng chống dịch COVID-19 đến ngày 31/12/2023

Công tác phòng, chống dịch COVID-19: Tiếp tục theo dõi chặt chẽ tình hình dịch, thường xuyên đánh giá, phân tích tình hình và các yếu tố nguy cơ; tổ chức triển khai thực hiện các văn bản đáp ứng giám sát, phòng chống dịch bệnh COVID-19 trong tình hình mới: Nghị quyết số 174/NQ-CP ngày 28/10/2023 của Chính phủ về việc bãi bỏ một số Nghị quyết phòng, chống dịch COVID-19 do Chính phủ ban hành; Quyết định số 1269/QĐ-TTg ngày 29/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về việc bãi bỏ một số văn bản phòng, chống dịch COVID-19 do Ban Chỉ đạo Quốc gia phòng, chống dịch COVID-19 và Thủ tướng Chính phủ ban hành; ban hành Kế hoạch Kiểm soát, quản lý bền vững đối với dịch bệnh COVID-19 giai đoạn 2023-2025 ban hành kèm theo Quyết định số 3984/QĐ-BYT ngày 29/10/2023 của Bộ Y tế; Hướng dẫn giám sát và phòng, chống bệnh COVID-19 ban hành kèm theo Quyết định số 3985/QĐ-BYT ngày 29/10/2023; Quyết định số 3983/QĐ-BYT ngày 29/10/2023 của Bộ Y tế về việc bãi bỏ một số văn bản phòng chống dịch COVID-19 do Bộ Y tế ban hành.

Từ đầu năm đến 31/12/2023 toàn tỉnh ghi nhận 3.868 ca mắc và không có ca tử vong do COVID-19; lũy kế từ đầu dịch ghi nhận 164.093 ca mắc, 19 ca tử vong. Từ ngày 20/10/2023 thực hiện điều chỉnh bệnh COVID-19 từ bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm A sang nhóm B theo Quyết định số 3896/QĐ-BYT ngày 19/10/2023 của Bộ Y tế về việc điều chỉnh bệnh viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona gây ra (COVID-19) từ bệnh truyền nhiễm nhóm A sang bệnh truyền nhiễm thuộc nhóm B của Luật Phòng, chống bệnh truyền nhiễm năm 2007. Triển khai thực hiện Quyết định số 3984/QĐ-BYT ngày 29/10/2023 ban hành Kế hoạch Kiểm soát, quản lý bền vững dịch bệnh COVID-19 giai đoạn 2023-2025.

### 3. Thực hiện các chương trình Mục tiêu Y tế - Dân số

#### 3.1. Hoạt động Phòng, chống một số bệnh truyền nhiễm nguy hiểm, bệnh không lây nhiễm phổ biến

*a) Phòng chống một số bệnh có tính chất nguy hiểm với cộng đồng*

<sup>5</sup> Chương trình đầu tư và phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn" do ADB tài trợ giai đoạn 2019 - 2025; Chương trình Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội theo Nghị quyết số 11-NQ-CP ngày 30/01/2022 của Chính phủ. Về Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội và triển khai Nghị quyết số 43/2022/QH15 của Quốc hội về chính sách tài khóa, tiền tệ hỗ trợ Chương trình.

### \* Phòng chống Sốt rét

Tình hình sốt rét trong ổn định, không có dịch, không có trường hợp tử vong; số người mắc sốt rét, điều trị sốt rét giảm; xét nghiệm 17.819 lam máu tìm KST Sốt rét, đạt 71,3% kế hoạch năm.

Thực hiện tốt công tác bảo vệ, phòng chống véc tơ truyền bệnh bằng tấm màn và phun hóa chất diệt muỗi.

### \* Phòng chống bệnh Lao và ARI

Các huyện/thành phố đều thực hiện đúng các quy định về quản lý thực hiện chương trình; Bệnh viện Phổi thường xuyên thực hiện công tác giám sát, chỉ đạo tuyến cho y tế cơ sở; thực hiện tốt việc cấp phát thuốc điều trị cho bệnh nhân ngoại trú.

Kết quả thực hiện: Số được khám Lao: 24.392 người, đạt 147,8% kế hoạch; xét nghiệm 10.836 mẫu đờm, đạt 94,2% kế hoạch; phát hiện 199 bệnh nhân lao AFB (+) mới, đạt 94,8% kế hoạch;

Số trẻ mắc ARI (nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Trẻ em): 78.560 trẻ; số trẻ tử vong do ARI: 01 trẻ.

### \* Phòng chống bệnh phong

Tiếp tục duy trì và củng cố kết quả loại trừ bệnh phong theo 4 tiêu chuẩn của Việt Nam; chăm sóc tàn tật cho 42 bệnh nhân, quản lý 45 bệnh nhân; khám sàng lọc cho 54 người, không phát hiện bệnh nhân mắc mới.

### \* Bảo vệ sức khoẻ tâm thần cộng đồng

Cung ứng kịp thời và đầy đủ thuốc thiết yếu cho cơ sở phục vụ cho quản lý điều trị BN; công tác quản lý bệnh nhân tâm thần được thực hiện thường xuyên, liên tục tại các đơn vị, bệnh nhân tâm thần đang quản lý được định kỳ thăm khám; cấp thuốc điều trị ngoại trú tại 146 điểm;

Quản lý 3.017 bệnh nhân (1.510 bệnh nhân Tâm thần phân liệt, 1.507 bệnh nhân động kinh); phát hiện 95 bệnh nhân mới (42 bệnh nhân Tâm thần phân liệt và 53 bệnh nhân động kinh); 2.325 bệnh nhân được điều trị ổn định.

### \* Phòng chống sốt xuất huyết

Hoạt động phòng, chống sốt xuất huyết được quan tâm, triển khai thực hiện tốt; tổ chức các đợt truyền thông phòng chống sốt xuất huyết, tăng cường hoạt động giám sát ca bệnh, giám sát xử lý các ổ dịch, chuẩn bị đầy đủ cơ sở vật chất, thuốc men để thu dung điều trị kịp thời cho bệnh nhân.

Ngay từ đầu năm, Sở Y tế đã chỉ đạo Trung tâm kiểm soát bệnh tật tỉnh; TTYT các huyện, thành phố tăng cường công tác truyền thông; giám sát chủ động, tích cực thực hiện các biện pháp phòng, chống và hạn chế đến mức thấp nhất số ca mắc, không để xảy ra tử vong do sốt xuất huyết.

Tiếp tục chỉ đạo tuyến cơ sở thực hiện nghiêm túc chế độ thông tin báo dịch. Thực hiện giám sát chặt chẽ ở cả 3 tuyến tỉnh - huyện - xã và đến tận thôn



bản; thực hiện tốt công tác tuyên truyền trên hệ thống loa truyền thanh xã, phường điếm đến tận các thôn, xóm, tổ nhân dân.

Trong năm ghi nhận 470 trường hợp Sốt xuất huyết trên địa bàn, không xảy ra tử vong do Sốt xuất huyết.

### **b) Tiêm chủng mở rộng**

Tổ chức tốt công tác truyền thông, giáo dục sức khỏe và quản lý đối tượng trong diện tiêm chủng; thực hiện tốt việc cung cấp vắc xin, dụng cụ và đảm bảo chất lượng, an toàn tiêm chủng tại các điểm tiêm, không xảy ra tai biến;

Công tác giám sát các bệnh thuộc chương trình tiêm chủng mở rộng được thực hiện đúng theo quy định;

Tiêm chủng đầy đủ cho 7.528 trẻ dưới 01 tuổi, đạt 70,7% kế hoạch; tiêm UV2 cho 8.129 phụ nữ có thai, đạt 91,6% kế hoạch; tiêm viêm gan B liều sơ sinh cho 8.591 trẻ, đạt 87,8% kế hoạch; tiêm DPT bổ xung cho 8.147 trẻ 18 tháng tuổi, đạt 45,9% kế hoạch.

### **c) Chăm sóc sức khỏe sinh sản và Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

#### **\* Chăm sóc sức khỏe sinh sản**

Tổ chức triển khai các hoạt động nhằm giảm tử vong mẹ, tử vong sơ sinh, giảm suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi, duy trì được các mục tiêu phát triển thiên niên kỷ;

Triển khai có hiệu quả các đợt chiến dịch “Tăng cường tuyên truyền, vận động, lồng ghép dịch vụ Chăm sóc SKSS/KHHGD đến vùng đông dân cư, vùng có mức sinh cao và vùng khó khăn” tại các xã khó khăn trên địa bàn tỉnh và giám sát chiến dịch theo kế hoạch. Chỉ đạo cơ sở đẩy mạnh hoạt động thông tin giáo dục truyền thông về CSSKSS/KHHGD, tăng cường chăm sóc bà mẹ trước, trong và sau sinh. Chủ động xây dựng kế hoạch và thực hiện giám sát hỗ trợ tuyến y tế cơ sở. Công tác thông tin, giáo dục truyền thông về chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) được tăng cường ở tất cả các tuyến, thực hiện lồng ghép với các hoạt động của hội, đoàn thể các cấp. Công tác khám và quản lý thai nghén; chăm sóc sức khỏe bà mẹ trước, trong và sau sinh được duy trì có chất lượng; không ghi nhận trường hợp tai biến sản khoa.

- Kết quả thực hiện:

- + Tỷ lệ phụ nữ đẻ được khám thai  $\geq 4$  lần trong 3 thời kỳ: 95,6%.
- + Tỷ lệ PN đẻ được cán bộ có kỹ năng đỡ: 99,8%.
- + Tỷ lệ phụ nữ đẻ/trẻ sơ sinh được chăm sóc sau sinh tuần đầu tại nhà: 100%.
- + Tỷ suất tử vong trẻ em < 1 tuổi: 2,4‰.
- + Tỷ suất tử vong trẻ em < 5 tuổi: 2,7‰.

#### **\* Phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em**

Công tác phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em (SDDTE) trên địa bàn tỉnh từng bước được cải thiện, mạng lưới cộng tác viên phòng chống SDD đến tận

thôn/ xóm. Trong năm 2023, Ban Chỉ đạo, Ban điều hành phòng chống SDD từ tỉnh đến xã, phường, thị trấn được triển khai có hiệu quả. Các hoạt động triển khai của từng giai đoạn đều có những đánh giá cụ thể, từ đó đưa ra kế hoạch thực hiện có hiệu quả, phù hợp với từng địa phương. Hoạt động của đội ngũ cán bộ y tế, cộng tác viên dinh dưỡng, dân số, gia đình và trẻ em các cấp, sự phối hợp chặt chẽ giữa các ban, ngành, hội, đoàn thể trong công tác phòng chống SDDTE cũng được triển khai cụ thể ứng với từng địa bàn phụ trách.

Tiếp tục triển khai các hoạt động thông tin, truyền thông và vận động thay đổi hành vi về chăm sóc, dinh dưỡng 1.000 ngày đầu đời theo Kế hoạch của UBND tỉnh. Thực hiện tư vấn, hướng dẫn cho cộng đồng, về chế độ dinh dưỡng hợp lý cho trẻ em.

Xây dựng và triển khai kế hoạch cho trẻ 06 tháng đến 36 tháng uống Vitamin và cân trẻ đánh giá tỉ lệ suy dinh dưỡng. Kết quả: Số trẻ 6-36 tháng uống Vitamin A: 24.179 trẻ, đạt 91,4% kế hoạch.

Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm (cân nặng/tuổi) giảm xuống còn 12,5%; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể gầy còm (chiều cao/tuổi) giảm xuống còn 21,6%.

### **3.2. Chương trình bảo đảm chất lượng An toàn vệ sinh thực phẩm**

Xây dựng và triển khai kế hoạch đảm bảo an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão, Lễ hội và các sự kiện lớn diễn ra trên địa bàn tỉnh.

Xây dựng kế hoạch hoạt động đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2023; kế hoạch giám sát mối nguy ô nhiễm thực phẩm năm 2023; kế hoạch kiểm tra liên ngành trong dịp Tháng hành động vì an toàn thực phẩm và Tết Trung thu năm 2023; kế hoạch truyền thông đảm bảo an toàn thực phẩm năm 2023; Tháng hành động về An toàn thực phẩm năm 2023.

Tăng cường công tác đảm bảo an toàn thực phẩm, phòng chống ngộ độc thực phẩm tại khu vực trường học; tăng cường công tác truyền thông về an toàn vệ sinh thực phẩm (ATVSTP) trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Tham mưu xây dựng và triển khai công tác hậu kiểm chất lượng, giám sát các mối nguy cơ ô nhiễm thực phẩm.

Phối hợp chặt chẽ với các cơ quan chức năng thực hiện thanh tra, kiểm tra, giám sát chất lượng ATVSTP trên địa bàn toàn tỉnh.

Kiểm tra, giám sát tại 4.709 cơ sở, đạt 96,7% kế hoạch; xử lý 67 cơ sở vi phạm các quy định về ATVSTP;

Triển khai việc thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện ATVSTP cho 164 cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm tại các huyện, thành phố, đạt 127,1% kế hoạch.

Trong năm ghi nhận 08 vụ ngộ độc thực phẩm với 38 người mắc. Ghi nhận 02 trường hợp tử vong do ngộ độc thực phẩm tại huyện Hàm Yên do ngộ độc Alkaloid cây lá ngón.

### 3.3. Chương trình Phòng chống HIV/AIDS

Duy trì chương trình điều trị nghiện các chất dạng thuốc phiện bằng thuốc Methadone tại Thành phố, huyện Sơn Dương, Chiêm Hóa và huyện Yên Sơn; duy trì hoạt động tại 45 xã điểm, xét nghiệm 24.804 mẫu máu sàng lọc phát hiện HIV; phát hiện 76 bệnh nhân mới, đưa 90 bệnh nhân mới vào điều trị bằng thuốc ARV; hiện tại có 966 bệnh nhân đang điều trị bằng ARV;

Tính đến thời điểm hiện tại, lũy tích người nhiễm HIV/AIDS phát hiện là: 2.547 người; số lũy tích tử vong do HIV/AIDS là 875 người.

### 3.4. Chương trình Dân số- KHHGD

Năm 2023, là năm thứ 6 thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về công tác Dân số trong tình hình mới.

Triển khai thực hiện các hoạt động truyền thông hưởng ứng các sự kiện về dân số trong năm 2023: Ngày Thalassemia thế giới (08/5); Ngày Dân số Thế giới (11/7); Ngày tránh thai thế giới (26/9), Ngày Quốc tế người cao tuổi (01/10), Tháng hành động quốc gia về dân số (tháng 12) và Ngày Dân số Việt Nam (26/12).

Kết quả thực hiện:

- Tổng tỷ suất sinh năm 2023 là 2,32 con/phụ nữ giảm 0,02 con/phụ nữ so với năm 2022.
- Tỷ xuất sinh thô đạt 10,1‰, tăng 0,1‰ so với năm 2022.
- Tỷ số giới tính khi sinh 112 trẻ sơ sinh trai/100 trẻ sơ sinh gái tăng 0,1 điểm % so với năm 2022.
- Tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên là 18,8% tăng 0,1% so với năm 2022.
- Tỷ lệ sàng lọc trước sinh đạt 117,6% kế hoạch năm.
- Tỷ lệ sàng lọc sơ sinh đạt 68,1% kế hoạch năm.
- Tổng số người mới thực hiện biện pháp tránh thai hiện đại trong năm 2023 là: 25.969/33.780, đạt 76,9% kế hoạch năm.

## 4. Công tác khám, chữa bệnh

### 4.1. Khám chữa bệnh bằng Y học hiện đại

Hoạt động khám bệnh, chữa bệnh thông thường đang dần hồi phục sau hơn 3 năm phòng chống dịch COVID-19. Trong năm 2023, tổng số lượt khám bệnh đạt 2.046.507 lượt người. Trong đó: Bệnh viện tuyến tỉnh: 287.388 lượt, Trung tâm Y tế huyện: 1.304.214 lượt, Bệnh viện Đa khoa khu vực: 50.731 lượt, Trạm Y tế xã, phường, thị trấn: 404.174; tổng số bệnh nhân điều trị nội trú: 156.587 lượt.

Công suất sử dụng giường bệnh tại Bệnh viện tuyến tỉnh: 118,9%, Trung tâm Y tế huyện: 100,5% và Bệnh viện đa khoa khu vực: 72,2%;

Ngày điều trị trung bình tại Bệnh viện tuyến tỉnh: 7,5 ngày, Trung tâm Y tế huyện: 5,6 ngày, Bệnh viện đa khoa khu vực: 5,6 ngày.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp giảm quá tải, nâng cao chất lượng dịch vụ các tuyến như: Mở rộng mạng lưới bệnh viện vệ tinh; liên thông kết quả xét nghiệm, chẩn đoán; tăng cường ứng dụng khoa học công nghệ trong khám chữa bệnh, chuyển giao kỹ thuật cho tuyến dưới; đổi mới phong cách, thái độ phục vụ, đổi mới căn bản phương thức đánh giá chất lượng bệnh viện theo Bộ Tiêu chí và chỉ số hài lòng của người bệnh.

Công tác phát triển kỹ thuật mới, kỹ thuật cao luôn được các cơ sở khám chữa bệnh quan tâm; nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật chuyên sâu được triển khai áp dụng, nâng cao chất lượng khám và điều trị cho nhân dân trên địa bàn.

Triển khai tư vấn, khám chữa bệnh trực tuyến, từ xa, kết nối với các Bệnh viện tuyến Trung ương; Ký thoả thuận hợp tác toàn diện với Bệnh viện Bạch Mai.

Hệ thống y tế tư nhân đang phát triển mạnh cả về số lượng và quy mô, nhiều cơ sở có hạ tầng khang trang cùng các trang thiết bị y tế hiện đại và chất lượng dịch vụ tương đối cao.

#### **4.2. Khám, chữa bệnh bằng Y học cổ truyền**

Tiếp tục triển khai thực hiện Quyết định số 1893/QĐ-TTg ngày 25/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ về việc Ban hành Chương trình phát triển y dược cổ truyền, kết hợp y dược cổ truyền với y dược hiện đại đến năm 2030;

Hệ thống khám chữa bệnh Y Dược cổ truyền tiếp tục được củng cố phát triển ở cả 3 cấp (tỉnh- huyện và xã). Bệnh viện Y Dược cổ truyền là đầu mối để triển khai thực hiện các kỹ thuật chuyên sâu về YHCT, các Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện đều có khoa YHCT phục vụ tốt nhu cầu chăm sóc sức khỏe nhân dân. Tuyến xã đều có vườn thuốc Nam vừa để làm mẫu cho người dân, vừa là nơi khai thác các vị thuốc phục vụ nhu cầu khám, chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe. Việc triển khai nghiên cứu khoa học, kế thừa, ứng dụng phương pháp hay đang tiếp tục được áp dụng tại một số Bệnh viện tuyến tỉnh, huyện; mua sắm trang thiết bị phục vụ công tác chẩn đoán, khám chữa bệnh bằng YHCT.

Kết quả khám và điều trị Y học Dân tộc, dùng thuốc Nam: 316.671 lượt, trong đó: Tổng số khám: 110.697 lượt; điều trị nội trú: 36.025 lượt; điều trị ngoại trú: 28.825 lượt; dùng thuốc Nam: 141.124 lượt.

#### **4.3. Khám, chữa bệnh Phục hồi chức năng (PHCN)**

Từng bước củng cố, phát triển mạng lưới cơ sở phục hồi chức năng và nâng cao chất lượng dịch vụ PHCN; tăng cường phòng ngừa khuyết tật, phát hiện sớm, can thiệp sớm nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống của người khuyết tật;

Bệnh viện PHCN Hương Sen thường xuyên chỉ đạo và giám sát các đơn vị tuyến dưới về chuyên môn nghiệp vụ về công tác khám, chữa bệnh PHCN, đưa các kỹ thuật mới về PHCN trong khám và điều trị tại bệnh viện và tăng cường công tác PHCN dựa vào cộng đồng. Bệnh viện đã phát triển được một số kỹ thuật phục hồi chức năng chuyên sâu mà trước đây người khuyết tật, người



bệnh phải chuyên tuyến Trung ương: Nắn chỉnh bàn chân khoèo bẩm sinh bằng phương pháp Ponsetti, làm chân giả trên gối, dưới gối, các dụng cụ trợ giúp, nẹp chỉnh hình, ngôn ngữ trị liệu, điều trị cho trẻ em tự kỷ, sau chấn thương,... các kỹ thuật điều trị Điện trị liệu chuyên sâu: điều trị bằng Sóng xung kích. Từ trường toàn thân, Laser nội mạch không xâm lấn.

Số lượt người bệnh đến khám bệnh tại Bệnh viện PHCN Hương Sen: 6.212 lượt (tăng 814 lượt so với năm 2022), đạt, vượt 138% so với kế hoạch được giao.

Số lượt người bệnh vào điều trị: 5.039 lượt (tăng 782 lượt so với năm 2022), đạt, vượt 129,0% so với kế hoạch; điều trị Nội trú tăng 25 lượt; điều trị phục hồi chức năng ban ngày tăng 757 lượt; trẻ em dưới 6 tuổi vào điều trị tăng 679 lượt.

Công suất sử dụng giường bệnh kế hoạch đạt: 128,9% (tăng 24,9% so với năm 2022). Ngày điều trị trung bình nội trú: 17,3 ngày.

Công tác chỉ đạo tuyến về phục hồi chức năng và tổ chức triển khai công tác PHCN dựa vào cộng đồng: Bên cạnh việc thực hiện tốt công tác chăm sóc, phục hồi chức năng cho người khuyết tật, Bệnh viện PHCN Hương Sen còn thực hiện tốt công tác chỉ đạo tuyến về công tác phục hồi chức năng dựa vào cộng đồng trên địa bàn toàn tỉnh.

Năm 2023, Bệnh viện tiếp tục triển khai công tác PHCN dựa vào cộng đồng theo Tiêu chí Quốc gia y tế xã ở 07 huyện, thành phố. Bệnh viện đã xây dựng được hệ thống mạng lưới cán bộ phụ trách chương trình PHCN ở tất cả các huyện và các xã. 07/07 huyện thành phố, 138/138 Trạm Y tế đều có cán bộ phụ trách công tác PHCN.

### **5. Công tác Dược - Trang thiết bị vật tư Y tế**

Thị trường dược phẩm được kiểm soát, đáp ứng đủ thuốc cung ứng cho các cơ sở khám chữa bệnh và nhu cầu điều trị của nhân dân, đảm bảo đủ thuốc phục vụ phòng chống dịch bệnh, thiên tai, lũ lụt; không để xảy ra tình trạng thiếu thuốc; hệ thống cung ứng thuốc phủ rộng; chất lượng thuốc đã được quản lý chặt chẽ và toàn diện ở tất cả các khâu từ bảo quản, lưu thông, phân phối, bán buôn, bán lẻ;

Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị triển khai các văn bản quy phạm pháp luật và các quy định về quản lý dược, mỹ phẩm; hướng dẫn, giám sát việc thực hiện các quy chế quản lý, sử dụng thuốc gây nghiện, thuốc hướng tâm thần và tiền chất dùng làm thuốc tại các cơ sở điều trị và cơ sở bán lẻ; tiếp tục triển khai phần mềm quản lý thuốc bán lẻ theo đơn tại các hiệu thuốc, đại lý thuốc trên địa bàn toàn tỉnh;

Giám sát công tác mua thuốc, dược liệu, vật tư, sinh phẩm và hóa chất xét nghiệm cho các cơ sở y tế công lập trong tỉnh, đảm bảo việc đấu thầu thực hiện đúng theo quy định;

Tăng cường hướng dẫn, quản lý và giám sát việc mua sắm và bảo dưỡng, sửa chữa trang thiết bị chuyên môn tại các đơn vị trực thuộc đảm bảo theo đúng quy định.

## **6. Công tác Tổ chức cán bộ**

Thực hiện quản lý, sử dụng công chức, viên chức, người lao động phù hợp với vị trí việc làm tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc; xây dựng quy hoạch, kế hoạch về công tác cán bộ gắn với đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phối hợp cử cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực quản lý tại các cơ quan, đơn vị trực thuộc;

Thực hiện việc sắp xếp tổ chức bộ máy của các cơ quan, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định hiện hành: giải thể Chi cục An toàn vệ sinh thực phẩm và thành lập phòng An toàn vệ sinh thực phẩm thuộc Sở Y tế; xây dựng đề án và xin ý kiến các cơ quan đơn vị theo quy định nội dung sáp nhập Trung tâm Truyền thông Giáo dục sức khỏe vào trung tâm Kiểm soát bệnh tật kể từ ngày 01/01/2024; xây dựng quy định chức năng nhiệm vụ của tất cả các cơ quan, đơn vị thuộc và trực thuộc. Đến nay Sở Y tế có 02 đơn vị quản lý Nhà nước và 20 đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Y tế.

Thực hiện quy trình bổ nhiệm và bổ nhiệm lại công chức, viên chức giữ các chức vụ lãnh đạo tại các cơ quan, đơn vị;

Tiếp nhận viên chức vào làm công chức: Sở Y tế đã tiếp nhận 01 viên chức vào làm công chức tại cơ quan Sở Y tế.

Thực hiện công tác tuyển dụng viên chức ngành y tế theo Quyết định 513/QĐ-UBND ngày 22/5/2023 của UBND tỉnh phê duyệt kế hoạch tuyển dụng viên chức tỉnh Tuyên Quang năm 2023; Quyết định số 756/QĐ-UBND ngày 19/7/2023 của UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh phương thức tuyển dụng viên chức năm 2023; Văn bản số 3586/UBND-NC ngày 03/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tuyển dụng viên chức năm 2023, tổng chỉ tiêu 432 chỉ tiêu và đã thực hiện tuyển dụng theo quy định tuyển dụng được 268 viên chức vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

## **7. Công tác Thanh tra**

- Công tác thanh tra, kiểm tra

Công tác thanh tra, kiểm tra hành chính và phòng, chống tham nhũng; công tác tiếp công dân, xử lý, giải quyết đơn thư của Thanh tra Sở Y tế được quan tâm, chú trọng.

Trong năm 2023, Thanh tra Sở Y tế đã xây dựng thực hiện 02 cuộc thanh tra hành chính về trách nhiệm của Thủ trưởng về công tác phòng chống tham nhũng tại 02 đơn vị trực thuộc.

Tiến hành kiểm tra 02 cuộc kiểm tra chuyên ngành về việc chấp hành quy định Luật Khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở y tế ngoài công lập; phối hợp với Thanh tra Bộ Y tế tiến hành 01 cuộc thanh tra, kiểm tra một số cơ sở khám chữa bệnh trên địa bàn thành phố Tuyên Quang và huyện Sơn Dương.

- Công tác Tiếp nhận, phân loại và xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo:

Sở Y tế tiếp tục duy trì phòng tiếp công dân, duy trì hoạt động của Ban tiếp công dân theo Quyết định số 224/QĐ-SYT ngày 26/3/2020 của Sở Y tế gồm 7 người: đại diện Lãnh đạo Sở, Trưởng các phòng tương đương thuộc Sở, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm trong giờ hành chính tất cả các ngày làm việc; đồng thời đã ban hành Nội quy tiếp công dân và lịch tiếp công dân định kỳ, trong đó Lãnh đạo Sở tiếp công dân vào ngày 10 hàng tháng, nếu trùng vào ngày thứ bảy, chủ nhật hoặc ngày nghỉ lễ, tết thì tiếp vào ngày làm việc tiếp theo.

Trong kỳ báo cáo, Thanh tra Sở Y tế tham mưu giải quyết dứt điểm 10 đơn thư khiếu nại, tố cáo liên quan đến lĩnh vực quản lý nhà nước của ngành, hướng dẫn các đơn vị giải quyết 09 đơn khiếu nại, kiến nghị phản ánh.

- Công tác phổ biến, giáo dục pháp luật, theo dõi thi hành pháp luật

Tham mưu xây dựng các Kế hoạch về công tác phổ biến giáo dục pháp luật, thường xuyên triển khai các văn bản Luật mới được Quốc hội thông qua; tham mưu xây dựng Kế hoạch công tác pháp chế, công tác theo dõi thi hành pháp luật; Kế hoạch thực hiện Công tác bồi thường của nhà nước; tiếp tục chỉ đạo các đơn vị thực hiện Chỉ thị của Bộ Y tế về nâng cao hiệu quả công tác pháp chế trong tình hình mới.

- Công tác phòng, chống tham nhũng

Xây dựng, thực hiện các Chương trình, kế hoạch về công tác phòng, chống tham nhũng, chỉ đạo các đơn vị thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật về phòng chống tham nhũng, quy tắc ứng xử, đạo đức nghề nghiệp...

## 8. Thực hiện Tiêu chí Quốc gia về Y tế xã

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố triển khai thực hiện công tác Tiêu chí quốc gia Y tế xã năm 2023. Kết quả thực hiện như sau:

TT	Tên huyện	Tổng	Kết quả năm 2023				Cộng toàn huyện	
			Duy trì		Đạt mới		Số xã	Tỷ lệ
			Số xã	Tỷ lệ	Số xã	Tỷ lệ		
1	Lâm Bình	10	10	100%	0	0%	10	100%
2	Thành phố	15	15	100%	0	0%	15	100%
3	Yên Sơn	28	26	92,9%	1	4%	27	96,4%
4	Hàm Yên	18	17	94,4%	1	5,6%	18	100,0%
5	Sơn Dương	31	26	83,9%	2	6,5%	28	90,3%
6	Na Hang	12	11	91,7%	0	0%	11	91,7%
7	Chiêm Hóa	24	20	83,3%	0	0%	20	83,3%
<b>Cộng toàn tỉnh</b>		<b>138</b>	<b>125</b>	<b>90,6%</b>	<b>4</b>	<b>2,90%</b>	<b>129</b>	<b>93,5%</b>

## **9. Công tác Kiểm nghiệm Dược phẩm**

Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm thực hiện tốt công tác tham mưu về kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm trên địa bàn tỉnh; tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, lấy mẫu kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm tại các cơ sở y tế và cơ sở kinh doanh trên địa bàn tỉnh.

Công tác kiểm nghiệm tuân thủ theo đúng quy định của Nhà nước, đảm bảo đúng quy trình, kỹ thuật; kịp thời phát hiện và thông báo cho cơ quan chức năng xử lý các trường hợp vi phạm nhằm đảm bảo an toàn cho người sử dụng; triển khai thực hiện Thử nghiệm thành thạo nội bộ, đánh giá tay nghề kiểm nghiệm viên;

Trong năm 2023 Trung tâm Kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm đã kiểm tra, giám sát tại cơ sở là 464/520 cơ sở, đạt kế hoạch 89,2%.

Tổng số mẫu được lấy tại cơ sở để xác định chất lượng là 619/600 mẫu, đạt 103,1% kế hoạch. Thông qua hoạt động giám sát, Trung tâm đã phát hiện được một số cơ sở có các vi phạm về: Có thuốc đình chỉ lưu hành và các vi phạm khác về qui chế dược.

Tiếp tục duy trì hoạt động của phòng thử nghiệm theo các qui định của ISO IEC 17025-2017 và các qui định khác nhằm tiếp tục nâng cao năng lực của phòng thử nghiệm.

## **10. Công tác Giám định**

### **10.1. Công tác Giám định Y khoa**

Công tác khám, lập hồ sơ bệnh án, hội chẩn chuyên môn và tổ chức phiên họp kết luận của Hội đồng đảm bảo tính chính xác, khoa học và khách quan theo đúng quy định của pháp luật, kịp thời đáp ứng được thời gian và nội dung yêu cầu giám định.

Tổ chức giám định cho 998 đối tượng. Trong đó: Khám sức khỏe người nghỉ hưu trí: 150; khám khuyết tật: 714; khám tai nạn lao động: 68; giám định thương binh: 07; giám định chất độc hoá học: 36; khác: 23.

### **10.2. Công tác Giám định Pháp Y**

Hoạt động giám định pháp y được duy trì tốt, đáp ứng kịp thời, đúng thời hạn giám định theo yêu cầu của cơ quan tiến hành tố tụng, tuân thủ các quy chế chuyên môn, nghiệp vụ, không để xảy ra sai sót, không có phản ánh tiêu cực từ các cán bộ điều tra viên và đối tượng liên quan

Năm 2023, đã tổ chức giám định 283 vụ việc, trong đó: Giám định tổn thương cơ thể: 214 vụ việc; giám định tình dục: 66 vụ việc; giám định tử thi: 03.

## **11. Công tác Truyền thông - Giáo dục sức khỏe**

Theo phương châm “Chủ động - Minh bạch - Kịp thời”, hoạt động truyền thông ngành Y tế đã phát huy vai trò tích cực trong việc thông tin, tuyên truyền thực hiện các nhiệm vụ chính trị, cổ vũ, động viên, khích lệ tinh thần đoàn kết, vượt khó của Nhân dân trong đại dịch. Ứng dụng và kết hợp giữa các nền tảng truyền thông xã hội với các hình thức truyền thông lan toả các thông điệp, khuyến cáo cũng như hoạt động của ngành y tế.



Duy trì việc đăng tin, bài, phóng sự Chuyên mục liên quan đến công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh; Báo Tuyên Quang và trên các phương tiện truyền thông khác. Thường xuyên tuyên truyền phòng, chống bệnh dịch bệnh COVID-19, dịch bệnh sốt xuất huyết và các dịch bệnh khác... trên các phương tiện thông tin đại chúng.

Phối hợp với Đài phát thanh truyền hình Tuyên Quang duy trì hoạt động tuyên truyền trên đài truyền hình: Xây dựng 12 chuyên mục/năm; trong năm đã có 48 tin, 32 phóng sự được phát.

Xây dựng chuyên mục truyền hình hàng tháng: trong năm 2023 đã thực hiện 11 chuyên mục y tế sức khỏe; xây dựng 6 tạp chí sức khỏe và tin bài phản ánh kịp thời các hoạt động của ngành và hoạt động của các chương trình y tế.

Phối hợp với Báo Tuyên Quang xây dựng 11 chuyên trang, chuyên mục trên Báo Tuyên Quang và 11 chuyên trang trên Báo Tuyên Quang điện tử. Phối hợp với các phóng viên, cộng tác viên viết và đăng tải tin bài phản ánh hoạt động của ngành y tế, các biện pháp phòng chống dịch bệnh, công tác an toàn vệ sinh thực phẩm,... trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương.

Đăng tải trên Báo Tuyên Quang, Báo Tuyên Quang điện tử 31 bài, 38 tin, 42 ảnh được đăng tải trên Báo Tuyên Quang, Báo Tuyên Quang điện tử; 35 tin, bài, ảnh đăng trên tạp chí của Liên đoàn Lao động tỉnh Tuyên Quang, các nội dung tuyên truyền đã phản ánh kịp thời các hoạt động của ngành Y tế.

## **12. Quản lý hành nghề Y, dược tư nhân**

Hệ thống y tế tư nhân được khuyến khích và tạo điều kiện để phát triển, đáp ứng nhu cầu đa dạng của người dân trong việc lựa chọn, tiếp cận các dịch vụ y tế. Hoạt động của các phòng khám tuân thủ theo quy định của pháp luật về khám bệnh chữa bệnh, quy chế chuyên môn và quy trình kỹ thuật của Bộ Y tế.

Sở Y tế đã ban hành văn bản đề nghị UBND huyện, thành phố, Phòng Y tế tiếp tục phối hợp tăng cường quản lý nhà nước về hành nghề Y- Dược trên địa bàn.

Chỉ đạo các cơ sở KBCB quản lý người hành nghề, đảm bảo các điều kiện hành nghề theo quy định, chấn chỉnh việc tổ chức, quản lý thực hành để cấp CCHN KBCB.

Thông báo cơ sở đủ điều kiện kinh doanh dược, cơ sở KCB được cấp Giấy phép hoạt động năm 2023 về UBND các huyện/thành phố để quản lý và đăng tải trên Website của Sở Y tế; đăng tải người hành nghề KBCB theo quy định trên Trang thông tin điện tử Sở Y tế.

Tổ chức, kiểm tra cơ sở hành nghề khám bệnh, chữa bệnh ngoài công lập, cơ sở kinh doanh dược trên địa bàn, công tác mua bán vật tư, thuốc, trang thiết bị y tế.

Trong năm 2023, đã cấp 285 chứng chỉ hành nghề cho người hành nghề KBCB; cấp 28 GPĐK khám bệnh chữa bệnh, thu hồi 06 Giấy phép hoạt động khám bệnh, chữa bệnh

Đến hết 31/12/2023, có 366 cơ sở KBCB đang hoạt động có GPHĐ theo quy định của Luật KBCB, trong đó: 153 cơ sở công lập, 03 TYT doanh nghiệp, 210 cơ sở ngoài công lập.

Cấp phép được 79 chứng chỉ hành nghề dược; Thẩm định cấp giấy chứng nhận duy trì “Thực hành tốt cơ sở bán lẻ thuốc” GPP cho 93 cơ sở; cấp giấy chứng nhận duy trì “Thực hành tốt phân phối thuốc, nguyên liệu làm thuốc” GDP cho 03 cơ sở; Cấp lại đủ điều kiện kinh doanh dược cho 01 công ty; cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh dược cho 150 cơ sở. Tổng số cơ sở kinh doanh Dược hoạt động có giấy phép đến hết tháng 12/2023 là 635 cơ sở.

### **13. Các dự án đầu tư phát triển và Công tác quản lý tài chính**

#### **13.1. Các dự án Hỗ trợ Y tế và đầu tư phát triển**

Sở Y tế đã tích cực chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc tiến độ thực hiện và giải ngân các dự án đầu tư công, các dự án cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất năm 2023, báo cáo kịp thời UBND tỉnh, Sở KH&ĐT, Sở Tài chính nhằm giải quyết các tồn tại trong quá trình thực hiện. Triển khai xây dựng Bệnh viện đa khoa tỉnh, Bệnh viện suối khoáng Mỹ Lâm, Trung tâm Y tế huyện Hàm Yên và Trung tâm Kiểm soát bệnh tật và một số Trạm Y tế.

#### **13.2. Công tác quản lý tài chính**

Tổng hợp, phân tích, đánh giá hoạt động tài chính y tế, đề xuất phương án và biện pháp nhằm từng bước đổi mới cơ chế quản lý tài chính, xây dựng cơ chế hoạt động cho các đơn vị trực thuộc Sở Y tế.

Sở Y tế đã chủ động và phối hợp với Sở Tài chính xây dựng dự toán ngân sách kinh phí xây dựng sự nghiệp y tế, tham mưu UBND tỉnh trình HĐND tỉnh xem xét quyết định cụ thể ngân sách chi cho sự nghiệp y tế ngay từ đầu năm.

Cập nhật, phổ biến và tổ chức thực hiện kịp thời các Văn bản, chế độ, chính sách tài chính và kế toán của Nhà nước ban hành. Các đơn vị thực hiện công tác quản lý tài chính và kế toán theo quy định hiện hành.

Phân bổ kinh phí phù hợp cho từng lĩnh vực dự phòng, điều trị và lĩnh vực khác; đảm bảo kinh phí phục vụ chính sách BHYT đối với người nghèo, dân tộc thiểu số, trẻ em dưới 06 tuổi theo quy định.

Thực hiện công khai dự toán hàng năm đúng với quy định; tổ chức xét duyệt quyết toán và tổng hợp báo cáo quyết toán ngân sách nhà nước hàng năm; tổ chức rút kinh nghiệm những sai sót, tồn tại sau kết quả xét duyệt quyết toán.

Tiếp tục triển khai thực hiện tự chủ trong các cơ sở sự nghiệp công lập tại các đơn vị.

### **III. ĐÁNH GIÁ CHUNG**

#### **1. Ưu điểm**

Ngành Y tế tỉnh Tuyên Quang luôn được sự quan tâm chỉ đạo kịp thời của Bộ Y tế, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh; sự phối hợp, giúp đỡ của các Sở, Ban, Ngành, Đoàn thể, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố.

Cán bộ y tế toàn ngành đoàn kết, nỗ lực khắc phục mọi khó khăn xây dựng và triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ tiêu, kế hoạch và phương hướng, nhiệm vụ trọng tâm năm 2023.

Tình hình dịch bệnh COVID-19 đã được kiểm soát trên địa bàn tỉnh. Cơ bản đạt chỉ tiêu và tiến độ thực hiện các hoạt động Y tế dự phòng - Dân số.

Thực hiện tốt các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng khám chữa bệnh, nâng cao Y đức, phục vụ tốt người bệnh tại các cơ sở khám chữa bệnh; thực hiện tốt Đề án bệnh viện vệ tinh, đề án luân phiên người hành nghề khám chữa bệnh.

Công tác thu dung, điều trị bệnh nhân cơ bản đáp ứng được nhu cầu của người bệnh. Các cơ sở điều trị thực hiện tốt công tác trực cấp cứu, khám chữa bệnh cho nhân dân đặc biệt trong các dịp Lễ, Tết.

Triển khai nhiều kỹ thuật mới, kỹ thuật cao tại các bệnh viện tuyến tỉnh, huyện. Duy trì công tác khám chữa bệnh cho các đối tượng chính sách, trẻ em dưới 6 tuổi.

Các bệnh viện triển khai công tác quản lý chất lượng bệnh viện nhằm tăng tỷ lệ hài lòng người bệnh nội trú, ngoại trú. Cơ bản đảm bảo cung ứng đủ thuốc thiết yếu phục vụ phòng bệnh, chữa bệnh đến tận vùng sâu, vùng xa và trong các tình huống thiên tai, thảm họa; sử dụng thuốc an toàn, hợp lý phục vụ cho nhân dân trên địa bàn tỉnh.

Các nhiệm vụ của các cấp thẩm quyền giao, Ngành Y tế đã nghiên cứu, tổ chức thực hiện đầy đủ, kịp thời, đúng tiến độ.

## **2. Tồn tại, hạn chế**

Số lượng, chất lượng nguồn nhân lực y tế tại nhiều đơn vị chưa đáp ứng nhu cầu. Hầu hết các đơn vị gặp khó khăn về nhân lực y tế, thiếu về số lượng và còn hạn chế về chất lượng; chưa bảo đảm số lượng vị trí việc làm.

Nhu cầu chăm sóc sức khỏe của nhân dân ngày càng tăng cả về số lượng và chất lượng; mô hình bệnh tật thay đổi, các bệnh không lây nhiễm, tai nạn, thương tích ngày càng tăng, các dịch bệnh nguy hiểm, mới nổi diễn biến khó lường; các yếu tố tác động xấu đến sức khỏe như ô nhiễm môi trường, biến đổi khí hậu, lối sống không lành mạnh... ngày càng gia tăng; trong khi đó khả năng đáp ứng của mạng lưới y tế cơ sở vẫn còn hạn chế.

Chênh lệch chất lượng dịch vụ khám chữa bệnh giữa các tuyến. Tình trạng quá tải ở bệnh viện tuyến tỉnh nhưng công suất sử dụng giường bệnh và chất lượng dịch vụ tuyến huyện còn thấp.

Năng lực của hệ thống y tế, nhất là y tế cơ sở, y tế dự phòng còn hạn chế. Tình trạng quá tải ở các bệnh viện tuyến tỉnh vẫn là vấn đề cần quan tâm. Người dân vẫn chưa thật sự hài lòng với chất lượng và sự phục vụ của ngành y, nhất là y tế công lập.

Tổ chức bộ máy theo mô hình Trung tâm Y tế huyện 2 chức năng tại tuyến huyện cũng còn những nhược điểm, hạn chế, đặc biệt liên quan đến triển khai Đề án tự chủ về tài chính, nhân lực tại khu vực khám, chữa bệnh.

Cơ sở vật chất của một số đơn vị y tế cơ sở (Khối điều trị Trung tâm Y tế huyện Yên Sơn, một số Phòng khám Đa khoa khu vực, Trạm Y tế) xuống cấp nhưng chưa được bố trí vốn để đầu tư. Các đơn vị hiện còn thiếu nhiều trang thiết bị cần thiết để phục vụ hoạt động chuyên môn.

Lương và phụ cấp đối với viên chức y tế trong hệ thống y tế công lập thấp, nhất là tại các cơ sở y tế dự phòng và y tế cơ sở (các đơn vị sự nghiệp y tế công lập nguồn kinh phí hoạt động chủ yếu là do NSNN bảo đảm, nguồn thu sự nghiệp thấp), mức lương này chỉ đảm bảo một phần nhu cầu cuộc sống, không tương xứng với đặc thù làm việc và quá trình đào tạo.

Một số đơn vị chấp hành chưa nghiêm túc chỉ đạo của Lãnh đạo Sở Y tế, nghiên cứu và triển khai các nội dung Văn bản của cấp trên thực hiện chậm và không đầy đủ theo yêu cầu; một số nội dung, vụ việc đột xuất phát sinh của đơn vị chưa được thông tin, báo cáo xin ý kiến chỉ đạo kịp thời làm ảnh hưởng đến hiệu quả xử lý, giải quyết vấn đề.

## **Phần II**

### **PHƯƠNG HƯỚNG; NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM NĂM 2024**

Năm 2024 là năm thứ tư thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ XIII; Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần XVII và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm (2021- 2025); Tình hình dịch bệnh truyền nhiễm và các loại dịch bệnh mới nổi vẫn còn là thách thức lớn đối với ngành Y tế trong năm 2024. Do đó, nhiệm vụ của ngành Y tế rất nặng nề; tính chất và khối lượng công việc đòi hỏi đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động phải tiếp tục nỗ lực, phấn đấu để triển khai các lĩnh vực công tác; toàn ngành cần nỗ lực khắc phục khó khăn; tổ chức thực hiện sự chỉ đạo, điều hành của Tỉnh ủy, HĐND, Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Y tế để đạt các mục tiêu và nhiệm vụ của Ngành, cụ thể như sau:

#### **I. MỤC TIÊU**

##### **1. Mục tiêu chung**

Chủ động tập trung cao các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, không để dịch bệnh bùng phát và lây lan rộng trong cộng đồng; tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về y tế; tiếp tục nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn về khám chữa bệnh, phòng bệnh ở các tuyến; kiểm soát chặt chẽ bảo đảm an toàn thực phẩm; thực hiện có hiệu quả công tác dân số - KHHGĐ; đảm bảo cung ứng đủ thuốc, vật tư, vắc xin, sinh phẩm y tế đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh, phòng bệnh và sử dụng thuốc an toàn hợp lý; đổi mới cơ chế hoạt động, thực hiện tự chủ tổ chức bộ máy, nhân lực và tài chính y tế và tích cực tranh thủ các nguồn lực đầu tư cho y tế; đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong khám, chữa bệnh, thanh toán BHYT.

##### **2. Mục tiêu cụ thể**



Triển khai thực hiện Quy hoạch Phát triển sự nghiệp y tế trong Quy hoạch tỉnh Tuyên Quang làm định hướng cơ bản phát triển hệ thống, mạng lưới y tế;

Tiếp tục sắp xếp, hoàn thiện tổ chức mạng lưới Ngành Y tế; tiếp tục đầu tư để nâng cao năng lực y tế cơ sở; ưu tiên vùng núi, vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn;

Đẩy mạnh các hoạt động Y tế dự phòng, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe ban đầu. Triển khai có hiệu quả Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số; đẩy mạnh thực hiện Bộ Tiêu chí quốc gia về Y tế xã giai đoạn đến năm 2025;

Nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh; tăng cường các giải pháp nhằm đổi mới phong cách và thái độ phục vụ của nhân viên y tế hướng tới sự hài lòng của người bệnh; triển khai các biện pháp nhằm giảm quá tải bệnh viện;

Tăng cường phát triển nguồn nhân lực y tế, đặc biệt là nguồn nhân lực kỹ thuật cao;

Tích cực triển khai thực hiện việc đổi mới cơ chế quản lý tài chính tại các đơn vị sự nghiệp có thu theo hướng tự chủ, tự chịu trách nhiệm; chủ động trong việc triển khai thực hiện phương án tự chủ về tài chính tại các đơn vị sự nghiệp y tế công lập. Tăng cường nâng cao năng lực quản lý về kinh tế y tế trong toàn Ngành.

## **II. CÁC NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP TRỌNG TÂM**

### **1. Công tác quản lý nhà nước**

#### **1.1. Công tác tham mưu, chỉ đạo, điều hành**

- Tiếp tục chỉ đạo các đơn vị trong ngành triển khai thực hiện nghiêm túc các biện pháp phòng, chống dịch bệnh theo chỉ đạo của Trung ương và của tỉnh. Tránh tư tưởng chủ quan, lơ là, mất cảnh giác; chủ động, dự báo, phát hiện sớm, khống chế kịp thời dịch bệnh, không để dịch bệnh bùng phát, giảm tỷ lệ mắc và tử vong do các bệnh truyền nhiễm.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành tiếp tục triển khai thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân đã được đề ra trong Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Tuyên Quang lần thứ XVII; Đại hội Đảng bộ các cấp. Quan tâm đào tạo, bồi dưỡng và sử dụng cán bộ có hiệu quả; nâng cao chất lượng chuyên môn, kỹ thuật và chất lượng phục vụ nhân dân; phát huy dân chủ ở cơ sở; thực hành tiết kiệm, chống quan liêu, tham nhũng, lãng phí.

- Chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện Quy hoạch phát triển ngành y tế tỉnh Tuyên Quang thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 sau khi được cấp thẩm quyền phê duyệt.

#### **1.2. Thanh tra, kiểm tra, giám sát**

Tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát việc thực hiện chế độ chính sách của Đảng, Nhà nước trong công tác bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân, tập trung vào các lĩnh vực: An toàn vệ sinh thực phẩm; hành nghề y, y học cổ truyền, hành nghề dược, kinh doanh mỹ phẩm, vắc xin, sinh phẩm; quản lý, sử dụng quỹ khám, chữa bệnh BHYT; công tác quản lý dược, trang thiết bị y tế;

thực hiện chính sách pháp luật về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí và phòng chống tham nhũng.

### **1.3. Quản lý hành nghề y, dược**

- Triển khai thực hiện cấp Giấy phép hành nghề y, chứng chỉ hành nghề dược; giấy phép hoạt động cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh; giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh thuốc, trang thiết bị y tế; giấy chứng nhận “Thực hành tốt phân phối thuốc”, cấp phép các đoàn khám chữa bệnh nhân đạo theo đúng quy định của pháp luật.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về hành nghề y, dược tại các cơ sở y, y học cổ truyền, dược, thẩm mỹ trên địa bàn tỉnh; xử lý nghiêm các cơ sở vi phạm pháp luật về hành nghề y, dược.

### **1.4. Cải cách hành chính và ứng dụng công nghệ thông tin**

- Chỉ đạo các đơn vị trực thuộc tiếp tục tăng cường cải cách hành chính, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý khám chữa bệnh và thanh toán BHYT, tiêm chủng mở rộng nhằm nâng cao chất lượng phục vụ, trong đó tập trung một số nhiệm vụ: Tăng tỷ lệ giải quyết các thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích; các cơ sở khám chữa bệnh công lập mở rộng thực hiện thanh toán viện phí không dùng tiền mặt; tiếp tục triển khai bệnh án điện tử tại một số bệnh viện, trung tâm y tế huyện; tiếp tục thuê phần mềm hồ sơ sức khỏe điện tử cho các huyện/thành phố, đảm bảo kết nối liên thông với phần mềm quản lý khám chữa bệnh, tiêm chủng vắc xin; tiếp tục triển khai kết nối mạng để quản lý hoạt động kinh doanh thuốc trên địa bàn tỉnh.

- Chỉ đạo các đơn vị đẩy mạnh triển khai các hoạt động của Đề án phát triển và ứng dụng công nghệ thông tin ngành y tế.

### **2. Phát triển mạng lưới y tế**

- Triển khai có hiệu quả Đề án “Nâng cao năng lực ngành y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” theo Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 05/8/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh;

- Tiếp tục triển khai Kế hoạch số 49/KH-UBND ngày 21/5/2018 thực hiện Đề án “Xây dựng và phát triển mạng lưới y tế cơ sở tỉnh Tuyên Quang trong tình hình mới” theo Quyết định số 2348/QĐ-TTg ngày 05/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ;

- Tiếp tục phát triển một số cơ sở y tế ngoài công lập.

### **3. Công tác tổ chức cán bộ và đào tạo phát triển nhân lực y tế**

- Tiếp tục triển khai hỗ trợ đào tạo, thu hút nguồn nhân lực y tế theo Nghị quyết số 15/2019/NQ-HĐND ngày 10/12/2019 của HĐND tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của quy định chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao; chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức đi đào tạo nâng cao trình độ sau đại học, giai đoạn 2017-2021 ban hành kèm theo Nghị quyết số 09/2016/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Tăng cường đào tạo kỹ thuật mới, nhất là kỹ thuật hồi sức cấp cứu, lọc máu, ECMO, thở máy cho cán bộ y tế phục vụ công tác cấp cứu, điều trị bệnh nhân.

- Tiếp tục thực hiện chế độ luân phiên có thời hạn đối với người hành nghề tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh theo Quyết định số 14/2013/QĐ-TTg ngày 20/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ để đào tạo, chuyển giao kỹ thuật nhằm nâng cao trình độ chuyên môn cho cán bộ y tế.

- Chỉ đạo các TTYT huyện/thành phố phối hợp với UBND xã, phường, thị trấn tiếp tục củng cố hoạt động và đào tạo chuyên môn cho nhân viên y tế thôn bản.

#### **4. Nâng cao chất lượng hoạt động chuyên môn y tế và dân số - kế hoạch hoá gia đình**

##### **4.1. Truyền thông giáo dục sức khỏe**

- Tăng cường truyền thông nâng cao nhận thức của mọi người dân về lối sống, hành vi ảnh hưởng đến sức khỏe như hút thuốc lá, lạm dụng rượu bia, tình dục không an toàn, dinh dưỡng không hợp lý, sức khỏe học đường, dân số - kế hoạch hóa gia đình, sức khỏe sinh sản; rèn luyện thể dục - thể thao nâng cao sức khỏe.

- Chỉ đạo các đơn vị trong ngành y tế tăng cường truyền thông trên các phương tiện sẵn có tại đơn vị như: Website của đơn vị, truyền thông qua mạng internet, truyền thông trực tiếp. Đồng thời chủ động cung cấp thông tin và phối hợp với các cơ quan truyền thông (Đài, Báo, các cơ quan thông tin đại chúng) xây dựng các thông điệp, nội dung truyền thông về chủ trương chính sách của ngành y tế, về hoạt động của đơn vị, trong đó có cả những sự cố y khoa nhằm định hướng thông tin kịp thời, chính xác.

##### **4.2. Y tế dự phòng**

- Chủ động các biện pháp phòng, chống dịch bệnh; phát hiện sớm, kịp thời không chế không để dịch bệnh lây lan rộng trong cộng đồng.

- Củng cố hệ thống tiêm chủng mở rộng tại tỉnh để duy trì tỷ lệ tiêm chủng đầy đủ 08 loại vắc xin cơ bản trẻ em. Duy trì kết quả loại trừ sốt rét, bệnh phong cấp tính theo tiêu chuẩn của Tổ chức Y tế thế giới, kết quả thanh toán bệnh bại liệt, loại trừ uốn ván sơ sinh.

- Tăng cường phối hợp giữa các ngành và các địa phương trong công tác đảm bảo an toàn thực phẩm. Duy trì, củng cố hệ thống giám sát ngộ độc thực phẩm, các bệnh truyền qua thực phẩm tại các tuyến; phát hiện sớm, can thiệp kịp thời khi có vụ ngộ độc thực phẩm; công khai đường dây nóng về ATTP; kịp thời tiếp nhận, giải quyết dứt điểm những phản ánh, tố cáo về tình trạng mất ATTP thuộc trách nhiệm, thẩm quyền giải quyết.

- Tiếp tục thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp để không chế tỷ lệ nhiễm HIV trong cộng đồng dân cư và giảm tỷ lệ mắc mới. Mở rộng các dịch vụ khám, tư vấn xét nghiệm phát hiện người nhiễm HIV để giới thiệu tiếp cận sớm điều trị ARV. Mở rộng tiếp nhận người nghiện chích ma túy vào điều trị tại các cơ sở Methadone.

- Thực hiện quản lý sức khỏe của người dân bằng hệ thống phần mềm quản lý sức khỏe điện tử. Thường xuyên cập nhật thông tin, chỉ số sức khỏe, liên thông dữ liệu khám bệnh, chữa bệnh, tiêm vắc xin phòng bệnh.

#### **4.3. Khám, chữa bệnh**

- Thực hiện đồng bộ các giải pháp nâng cao chất lượng dịch vụ khám, chữa bệnh các tuyến. Tiếp tục chỉ đạo nâng cao chất lượng bệnh viện, phân đầu tắt cả cơ sở khám, chữa bệnh nâng điểm chất lượng theo tiêu chí của Bộ Y tế.

- Các cơ sở y tế phân đầu không để lây lan dịch bệnh trong cơ sở khám, chữa bệnh. Đồng thời triển khai hiệu quả đề án khám chữa bệnh từ xa để giải quyết điều trị ngoại trú một số bệnh nhân.

- Triển khai một số kỹ thuật mới, kỹ thuật cao tại tỉnh: Kỹ thuật ECMO, lọc máu liên tục để hồi sức và một số bệnh khác tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh; kỹ thuật thận nhân tạo, tim mạch... tại một số Trung tâm Y tế huyện và Bệnh viện tư nhân;

- Các Bệnh viện, Trung tâm Y tế tăng cường thực hành kiểm soát nhiễm khuẩn môi trường bệnh viện; xây dựng cơ sở y tế Xanh - Sạch - Đẹp, thân thiện với môi trường theo Quyết định số 3638/QĐ-BYT ngày 15/7/2016 của Bộ Y tế.

- Các cơ sở khám chữa bệnh tiếp tục xây dựng quy trình chuyên môn theo Quyết định 4068/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ Y tế và tổ chức thực hiện; thường xuyên quan tâm thực hiện nghiêm các quy định về chuyên môn y tế và phòng, tránh tai biến y khoa.

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, phòng chống thiên tai, dịch bệnh. Thực hiện sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả. Tăng cường hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc, theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR).

- Đẩy mạnh công tác phát triển y dược cổ truyền, đẩy mạnh kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại trong phòng bệnh, khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng, chăm sóc sức khỏe.

#### **4.4. Chăm sóc sức khỏe bà mẹ, trẻ em và dân số - kế hoạch hóa gia đình**

- Triển khai kế hoạch thực hiện chương trình mở rộng tầm soát, chẩn đoán, điều trị một số bệnh, tật trước sinh và sơ sinh tỉnh Tuyên Quang đến năm 2030;

- Tiếp tục ưu tiên thực hiện các mục tiêu: Giảm tỷ lệ sinh, giảm tỷ lệ sinh con thứ 3 trở lên, giảm tốc độ gia tăng tỷ số giới tính khi sinh và nâng cao chất lượng dân số;

- Mở rộng cung cấp các dịch vụ sàng lọc, chẩn đoán và điều trị sớm một số bệnh, tật trước khi sinh và sơ sinh, dịch vụ tư vấn và khám sức khỏe tiền hôn nhân. Đẩy mạnh các hoạt động chăm sóc sức khỏe người cao tuổi tại cộng đồng và tại các cơ sở y tế.

- Thúc đẩy các can thiệp nhằm cải thiện tốt sức khỏe bà mẹ và trẻ em, giảm tử vong bà mẹ và trẻ sơ sinh; tăng cường kiểm tra, giám sát thực hiện quy trình chuyên môn để phòng ngừa, phát hiện, xử lý kịp thời các trường hợp cấp



cứu sản khoa và sơ sinh, trong đó chú trọng đến hoạt động quản lý sức khỏe bà mẹ, trẻ em ở tuyến y tế cơ sở, nhất là tuyến xã. Tăng cường phối hợp liên ngành trong thực hiện các can thiệp về dinh dưỡng nhằm giảm tỷ lệ trẻ em bị suy dinh dưỡng thể nhẹ cân và thể thấp còi.

- Tổ chức triển khai có hiệu quả Dự án 7- Chăm sóc sức khỏe Nhân dân, nâng cao thể trạng, tầm vóc người dân tộc thiểu số; phòng chống suy dinh dưỡng trẻ em thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025.

### **5. Dược, trang thiết bị y tế và công trình y tế**

- Đảm bảo cung ứng đầy đủ thuốc thiết yếu cho nhu cầu khám, chữa bệnh, phục hồi chức năng và phòng chống thiên tai, dịch bệnh.

- Kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng thuốc an toàn, hợp lý, hiệu quả và việc thực hiện quy chế kê đơn và bán thuốc theo đơn tại các cơ sở khám, chữa bệnh và các cơ sở kinh doanh thuốc;

- Tăng cường hoạt động dược lâm sàng, thông tin thuốc, theo dõi phản ứng có hại của thuốc (ADR) tại các cơ sở khám, chữa bệnh.

- Tiếp tục thực hiện các chương trình chuẩn hóa và quản lý chất lượng thuốc: GMP, GLP, GSP, GDP, GPP.

- Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra chất lượng thuốc, mỹ phẩm lưu hành trên địa bàn, phát hiện và xử lý kịp thời thuốc, mỹ phẩm nhập lậu, thuốc giả, không rõ nguồn gốc, không đạt tiêu chuẩn chất lượng;

- Tăng cường quản lý nguồn gốc và chất lượng thuốc đông dược và dược liệu tại các cơ sở kinh doanh và sử dụng thuốc.

- Tiếp tục thực hiện đấu thầu trang thiết bị y tế theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế Quy định một số nội dung trong đấu thầu trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập.

- Tranh thủ các nguồn lực để đầu tư mua sắm trang thiết bị và cải tạo, sửa chữa cơ sở vật chất cho các đơn vị y tế các tuyến nhằm phục vụ phát triển kỹ thuật và chất lượng hoạt động chuyên môn.

- Về cơ sở hạ tầng y tế:

+ Tiếp tục triển khai dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Đa khoa tỉnh và Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm, Trung tâm Y tế Hàm Yên, ...

+ Xây dựng mới, sửa chữa, nâng cấp các trạm y tế thuộc Chương trình đầu tư phát triển mạng lưới y tế cơ sở vùng khó khăn sử dụng vốn vay của Ngân hàng Phát triển Châu Á - ADB.

### **6. Tài chính y tế**

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả phương án tự chủ tài chính giai đoạn 2022-2025 cho các đơn vị Quyết định số 409/QĐ-UBND ngày 29/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về Giao quyền tự chủ tài chính cho các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc Sở Y tế tỉnh Tuyên Quang giai đoạn 2022-2026.

- Tiếp tục chỉ đạo các cơ sở khám, chữa bệnh công lập và tư nhân, tăng cường các giải pháp củng cố hoạt động quản lý khám chữa bệnh BHYT nhằm hạn chế tối đa tình trạng vượt dự toán chi khám bệnh, chữa bệnh BHYT.

### 7. Công tác tổ chức bộ máy

Rà soát công tác quy hoạch, đào tạo và bổ nhiệm các chức danh lãnh đạo quản lý, đặc biệt là việc kiện toàn các chức danh lãnh đạo tại một số đơn vị còn trống, khuyết cán bộ. Thực hiện quy hoạch bổ sung cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020 - 2025; quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2026 - 2031.

Tiếp tục thực hiện công tác tuyển dụng viên chức các đơn vị sự nghiệp công lập năm 2024. Thực hiện công tác đào tạo chuyên khoa, chuyên sâu, đào tạo lại... Đẩy mạnh công tác đào tạo liên tục theo quy định của Bộ Y tế.

Tiếp tục thực hiện công tác đào tạo, đào tạo lại bằng nhiều hình thức, đảm bảo chỉ số nguồn nhân lực về y tế và nhiệm vụ chuyên môn của các đơn vị trong ngành; cử cán bộ đi đào tạo theo kế hoạch năm 2024 đã phê duyệt.

Tổ chức thực hiện các nội dung liên quan đến công tác đánh giá, phân loại công chức, viên chức; công tác thi đua khen thưởng; công tác kê khai minh bạch tài sản, thu nhập, chuyển đổi vị trí công tác...

Tiếp tục hoàn thành việc thực hiện sắp xếp tổ chức, bộ máy tại các đơn vị trực thuộc; triển khai kế hoạch thực hiện xét chuyển viên chức cho cán bộ y tế xã; chuyển xếp nâng ngạch cho cán bộ y tế sau khi đã hoàn thành đào tạo.

### 8. Về thực hiện Tiêu chí Quốc gia Y tế xã

Tiếp tục phối hợp với UBND các huyện, thành phố thực hiện Tiêu chí QGYTX; đề ra các giải pháp cụ thể trong việc tổ chức thực hiện Tiêu chí QGYTX năm 2024 nhằm đạt chỉ tiêu đề ra;

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan thực hiện tốt Tiêu chí về Y tế trong chương trình Mục tiêu Quốc gia xây dựng Nông thôn mới tỉnh Tuyên Quang.

Trên đây là báo cáo kết quả thực hiện công tác Y tế năm 2023; phương hướng nhiệm vụ năm 2024, Sở Y tế trân trọng báo cáo./.

#### Nơi nhận:

- Bộ Y tế;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Văn phòng Tỉnh ủy;
- Ban Văn hóa - Xã hội, HĐND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Cục Thống kê;
- Các cơ quan, đơn vị trực thuộc;
- Lãnh đạo Sở Y tế;
- Lưu: VT, KH-TC.

(Báo cáo)



**Nguyễn Thành Hưng**





**Phụ lục 1**

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN MỘT SỐ CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN SỰ NGHIỆP VĂN HÓA- XÃ HỘI 12 THÁNG NĂM 2023 (QĐ 686/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh)**

(Kèm theo Báo cáo số 10 /BC-SYT ngày 08/01/2024 của Sở Y tế)

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 12 tháng năm 2022	Kế hoạch 2023 (Theo QĐ số 686/QĐ-UBND)	Tiến độ thực hiện năm 2023				
					Thực hiện Tháng		Lũy kế từ đầu năm đến tháng		
					Thực hiện tháng 12	So sánh TH /KH	Thực hiện 12 tháng	TH/KH (=8/7) (%)	So sánh TH với cùng kỳ 2022
A	B	C	1	2	3	4=3/2*100	5	6=5/2*100	7=(5/1*100)-100
1	<b>Cơ sở khám, chữa bệnh</b>	<b>Cơ sở</b>	<b>155</b>	<b>155</b>	<b>155</b>	100,0	<b>155</b>	100,0	<b>0,0</b>
a	Bệnh viện	Bệnh viện	15	15	15	100,0	15	100,0	0,0
	- Bệnh viện tuyến tỉnh	Bệnh viện	5	5	5	100,0	5	100,0	0,0
	- Trung tâm Y tế huyện	TTYT	6	6	6	100,0	6	100,0	0,0
	- Bệnh viện đa khoa khu vực huyện	Bệnh viện	3	3	3	100,0	3	100,0	0,0
	- Bệnh viện Công an tỉnh	Bệnh viện	1	1	1	100,0	1	100,0	0,0
b	Phòng khám Đa khoa khu vực	Phòng	9	9	9	100,0	9	100,0	0,0
c	Trạm y tế cơ sở	Trạm	129	129	129	100,0	129	100,0	0,0
	- Trạm Y tế phường, thị trấn	Trạm	16	16	16	100,0	16	100,0	0,0
	- Trạm Y tế xã	Trạm	113	113	113	100,0	113	100,0	0,0
d	Trạm y tế do đơn vị khác quản lý	Trạm	2	2	2	100,0	2	100,0	0,0
2	Số trạm y tế xã/phường có bác sỹ	Xã	130	131	130	99,2	130	99,2	0,0
	Tỷ lệ TYTX/phường/TT có bác sỹ làm việc	%	94,2	94,9	94,2	99,3	94,2	99,3	
3	Bác sỹ/10.000 dân	Bác sỹ	9,1	9,4	9,4	100,0	9,4	100,0	3,3
	Số Dược sỹ đại học/10.000 dân	Dược sỹ		1,40	1,40	100,0	1,40	100,0	
	Số Điều dưỡng/10.000 dân	Điều dưỡng		21,50	21,50	100,0	21,50	100,0	
4	Tổng số giường bệnh	Giường	3.365	3.365	3.365	100,0	3.365	100,0	0,0
4.1	Giường bệnh bệnh viện	Giường	2.690	2.690	2.690	100,0	2.690	100,0	0,0
	- Giường bệnh viện tỉnh	Giường	1.250	1.250	1.250	100,0	1.250	100,0	0,0
	- Giường BV Công an tỉnh	Giường	100	100	100	100,0	100	100,0	0,0
	- Giường TTYT huyện	Giường	1.150	1.150	1.150	100,0	1.150	100,0	0,0
	- Giường BV đa khoa khu vực huyện	Giường	190	190	190	100,0	190	100,0	0,0

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Thực hiện 12 tháng năm 2022	Kế hoạch 2023 (Theo QĐ số 686/QĐ-UBND)	Tiến độ thực hiện năm 2023				
					Thực hiện Tháng		Lũy kế từ đầu năm đến tháng		
					Thực hiện tháng 12	So sánh TH /KH	Thực hiện 12 tháng	TH/KH (=8/7) (%)	So sánh TH với cùng kỳ 2022
4.2	Giường bệnh trạm y tế xã	Giường	675	675	675	100,0	675	100,0	0,0
	- Giường trạm y tế phường, thị trấn	Giường	80	80	80	100,0	80	100,0	0,0
	- Giường trạm y tế xã	Giường	565	565	565	100,0	565	100,0	0,0
	- Giường TYT do đơn vị khác quản lý	Giường	30	30	30	100,0	30	100,0	0,0
5	Số giường bệnh/10.000 dân	Giường	37,7	37,4	37,7	100,8	37,7	100,8	0,0
6	Tỷ lệ giảm sinh bình quân hàng năm	‰	0,2	0,2			0,2	100,0	0,0
7	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (*)	%	22,4	21,6	21,6		21,6	100,1	-3,5
8	Tỷ lệ TE < 1 tuổi tiêm chủng đầy đủ	%	90,7	> 95	70,7	74,5	70,7	74,5	-22,0
9	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 1 tuổi	‰	3,1	<7			2,4	34,5	-22,2
10	Tỷ suất tử vong trẻ em dưới 5 tuổi	‰	3,8	<9			2,7	30,5	-27,9
11	Công suất sử dụng giường bệnh								
	- Tuyến tỉnh	%	110,6	100,0			118,9	118,9	7,5
	- Tuyến huyện	%	88,5	95,0			100,5	105,8	13,6
12	Số lượt người khám chữa bệnh	Lượt người	1.104.133	1.160.000	955.372	82,4	2.046.507	176,4	85,3
13	Số xã/phường đạt Tiêu chí QG về Y tế xã	Xã	129	130		0,0	133	102,3	3,1
14	Tỷ lệ xã, phường, TT đạt tiêu chí QGYTX	%	93,5	94,2			96,4		3,1
15	Tỷ lệ người dân có thẻ BHYT	%	95,65	95,0			96,85		1,3
16	Tỷ lệ cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm được kiểm tra đạt yêu cầu ATTP	%	97,02	>85		0,0	98,58	116,0	1,6
17	Tỷ suất ca mắc ngộ độc thực phẩm cấp tính trên 100.000 dân	‰	5,48	<7		0,0	4,74	67,7	-13,5





Phụ lục 2

**KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC Y TẾ 12 THÁNG NĂM 2023**

**A Các bệnh dịch lây nguy hiểm**

TT	Tình hình các bệnh dịch	Đơn vị tính	Thực hiện 12 tháng 2023		Thực hiện 12 tháng 2022		Tăng giảm (ca)
			M	C	M	C	
1	Lỵ trực trùng	Ca	32	-	13	-	19
2	Lỵ amip	Ca	1	-	10	-	-9
3	Tiêu chảy	Ca	2.885	-	2.807	-	78
4	Thương hàn	Ca	-	-	-	-	-
5	Viêm não vi rút khác	Người	-	-	1	-	-1
6	Viêm gan vi rút khác	Người	23	-	43	-	-20
7	Bệnh nghi đại (tiêm phòng)	Người	4.108	2	4.260	3	-152
8	Viêm màng não mô cầu	Người	-	-	-	-	0
9	Thủy đậu	Người	673	-	359	-	314
10	Uốn ván sơ sinh	Người	-	-	-	-	-
11	Bại liệt (nghi)	Người	-	-	-	-	-
12	Sởi (nghi)	Người	-	-	-	-	0
13	Quai bị	Người	41	-	67	-	-26
14	Cúm	Người	7.808	-	7.814	-	-6
15	Adeno virus (APC)	Người	7.082	-	1.990	-	5.092
16	Sốt rét	Người	-	-	-	-	-
17	Sốt phát ban (Rubeon)	Người	-	-	2	-	-
18	Sốt xuất huyết	Người	470	-	1.279	-	-809
19	Dịch hạch	Người	-	-	-	-	-
20	Hội chứng tay chân miệng	Người	349	-	142	-	207

B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Tăng giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8

<b>I DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG BỆNH SỐT RÉT</b>								
1	Xét nghiệm lam máu tìm KST sốt rét	Lam	25.000	17.819	71,3	24.716	98,9	-27,6
	BN có KST sốt rét			-		-		0,0
2	Số lượt BN được điều trị bệnh sốt rét	BN	500	11	2,2	29	5,8	-3,6
	Số lượt điều trị bệnh nhân sốt rét	"	50	-	0,0	-		0,0
	Số lượt được cấp Thuốc SR để tự điều trị	"	400	11	2,8	29	7,3	-1,6
	Số lượt người điều trị khác	"	50	-	0,0	-		0,0
3	Dân số được bảo vệ phòng, chống sốt rét	Người	13.000	-	0,0	-		0,0
	Bảo vệ bằng phun hoá chất	"	3.000	-	0,0	-		0,0
	Bảo vệ bằng tấm màn	"	10.000	-	0,0	-		0,0

B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Tăng giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8
<b>II DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG BỆNH PHONG</b>								
1	Bệnh nhân phong quản lý	BN	47	45	95,7	45	95,7	0,0
2	Số người được khám để phát hiện bệnh phong	Người	96	54	56,3	54	56,3	0,0
	<i>Số người khám tại thôn trọng điểm</i>	Người	-	-	-	-	-	0,0
	<i>Số người khám điều trị dịch tễ</i>	Người	54	54	100,0	54	100,0	0,0
	<i>Khám người tiếp xúc</i>	Người	42	-	0,0	-	-	0,0
<b>III DỰ ÁN BẢO VỆ SỨC KHỎE TÂM THẦN CỘNG ĐỒNG</b>								
1	Quản lý bệnh nhân tâm thần	BN	3.020	3.017	99,9	3.218	100,3	-0,4
	<i>Bệnh nhân tâm thần phân liệt</i>	BN	1.517	1.510	99,5	1.571	101,2	-1,7
	<i>Bệnh nhân động kinh</i>	BN	1.503	1.507	100,3	1.647	99,5	0,8
2	Phát hiện BN tâm thần mới	BN	80	95	118,8	76	101,3	17,5
	<i>Bệnh nhân tâm thần phân liệt</i>	BN	40	42	105,0	50	161,3	-56,3
	<i>Bệnh nhân động kinh</i>	BN	40	53	132,5	26	59,1	73,4
3	Số BN tâm thần được điều trị ổn định	BN	2.329	2.325	99,8	2.313	103,4	-3,6
	<i>Bệnh nhân tâm thần phân liệt</i>	BN	1.159	1.159	100,0	1.124	104,8	-4,8
	<i>Bệnh nhân động kinh</i>	BN	1.170	1.166	99,7	1.189	102,1	-2,4
4	Số điểm quản lý cấp thuốc tâm thần ngoại trú	Xã	146	146	100,0	146	100,0	0,0
<b>IV DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG LAO</b>								
1	Khám bệnh	BN	16.500	24.392	147,8	20.027	121,4	26,4
2	Xét nghiệm đờm	Lam	11.500	10.836	94,2	8.331	72,4	21,8
3	Phát hiện bệnh nhân lao AFB (+) mới	BN	210	199	94,8	162	77,1	17,7
4	BN lao AFB (+) mới được quản lý, điều trị	BN	210	266	126,7	211	100,5	26,2
5	TS BN lao được quản lý, điều trị	BN	360	326	90,6	322	89,4	1,2
6	Tỷ lệ tử vong do bệnh lao	%		-		-		0,0
<b>Phòng chống ARI (nhiễm khuẩn hô hấp cấp tính Trẻ em)</b>								
1	Số trẻ khám ARI	Trẻ em	130.000	80.565	62,0	77.427	59,6	2,4
2	Số trẻ mắc bệnh	"	100.000	78.560	78,6	72.091	72,1	6,5
3	Số trẻ dùng kháng sinh điều trị ARI	"	100.000	73.560	73,6	70.663	70,7	2,9
4	Số trẻ tử vong do ARI			1		-		0,0
<b>V DỰ ÁN TIÊM CHỦNG MỞ RỘNG</b>								
	Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi tiêm ĐĐ vaccin	%	>95	70,7		90,7		0,0
1	Tiêm chủng đầy đủ cho trẻ <1 tuổi	Trẻ em	10.642	7.528	70,7	10.174	90,7	-20,0
2	Tiêm UV <sub>2</sub> <sup>+</sup> cho phụ nữ có thai	Phụ nữ	8.870	8.129	91,6	8.506	93,6	-2,0
3	Tiêm UV <sub>2</sub> <sup>+</sup> cho nữ 15 + 16 tuổi	Phụ nữ	-	-	-	-	-	0,0
4	Tiêm Viêm Gan B sơ sinh < 24h	Trẻ em	9.786	8.591	87,8	10.127	90,3	-2,5
5	Viêm não Nhật Bản B mũi 1+2	Trẻ em	10.672	10.146	95,1	10.964	93,4	1,7
6	Tiêm Vaccin Sởi - Rubella cho trẻ 18 tháng tuổi	Trẻ em	11.317	10.527	93,0	8.553	70,1	22,9
7	Tiêm DTP bổ sung cho trẻ 18 tháng tuổi	Trẻ em	11.218	5.147	45,9	7.943	67,3	-21,4

B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Tăng giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8
<b>VI</b>	<b>DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG SUY DINH DƯỠNG</b>							
	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi) (*)	%	21,6	21,6		22,4		
<b>VII</b>	<b>VỆ SINH MÔI TRƯỜNG</b>							
1	Hộ gia đình có nhà tiêu HVS (tiêu chí mới)	Số hộ	209.109	176.799	84,5	170.523	82,0	2,5
2	Nguồn nước hợp vệ sinh	Số hộ	209.109	199.795	95,5	196.540	95,3	0,2
3	Chuồng gia súc hợp vệ sinh	Số hộ	107.221	81.366	75,9	79.440	73,5	2,4
4	Nhà tắm	Số hộ	209.109	180.766	86,4	176.309	84,8	1,6
5	Hồ xử lý rác thải	Số hộ	209.109	151.170	72,3	148.585	71,5	0,8
6	K.tra chất lượng nước SH khu tập trung dân cư	Mẫu	482	510	105,8	715	156,1	-50,3
7	Kiểm tra VSMT công cộng		740	770	104,1	752	101,6	2,5
8	Kiểm tra CTVS và tư vấn VSMT tại hộ GD	Hộ	24.100	24.106	100,0	22.793	99,1	0,9
<b>VIII</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH AN TOÀN VỆ SINH THỰC PHẨM</b>							
1	Chỉ tiêu xét nghiệm	Mẫu	2.420	2.945	121,7	2.691	111,2	10,5
2	Kiểm tra, giám sát	Lượt	4.870	4.709	96,7	4.692	97,8	-1,1
3	Số cơ sở được kiểm tra	Cơ sở	2.513	2.382	94,8	2.335	97,1	-2,3
4	Số cơ sở vi phạm	Cơ sở		67		140		0,0
6	Cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện	Cơ sở	129	164	127,1	144	110,8	16,3
7	Tổng số vụ ngộ độc	Vụ	10	8	80,0	6	60,0	20,0
	Tổng số người ngộ độc thực phẩm	Người		38		43		
	Tổng số người chết ngộ độc thực phẩm	Người		2		-		
<b>IX</b>	<b>DỰ ÁN PHÒNG CHỐNG HIV/AIDS</b>							
1	Xã trọng điểm	Xã	45	45	100,0	45	100,0	0,0
2	TSBN phát hiện (HIV+) trong kỳ báo cáo	Người		76		22		0,0
	<i>Trong đó: Phát hiện BN HIV trong tỉnh</i>			76		22		0,0
	<i>Phát hiện BN HIV ngoài tỉnh</i>			-		-		
3	Xét nghiệm máu sàng lọc	Mẫu	-	-	-	-		
4	Số mẫu máu xét nghiệm phát hiện HIV	Mẫu	3.200	24.804	775,1	16.934	529,2	245,9
5	Số mẫu máu XN lây truyền mẹ sang con	Mẫu	2.000	9.375	468,8	5.441	272,1	196,7
6	Tử vong do AIDS trong kỳ báo cáo	Người		7		6		
7	Điều trị mới trong 12 tháng	Người		90		58		
8	BN đang điều trị ARV	Người		966		906		
9	Lũy tích BN phát hiện (HIV+) từ khi có ca đầu tiên	Người		2.547		2.539		
10	Lũy tích số tử vong do AIDS từ khi có ca đầu tiên	Người		875		871		



B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Đang giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8
<b>X</b>	<b>CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU KẾ HOẠCH HÓA GIA ĐÌNH</b>							
1	Giảm tỷ suất sinh thô so với năm trước	‰	0,2	0,2		0,2		
2	Tỷ lệ áp dụng BPTT hiện đại	%	77,6	76,9		83,7		
<b>3</b>	<b>Thực hiện mới các biện pháp tránh thai hiện đại</b>		<b>33.780</b>	<b>25.969</b>	<b>76,9</b>	<b>24.674</b>	<b>83,7</b>	<b>-6,8</b>
	Triệt sản:			67		34		
	- Triệt sản nữ	Ca		67		34		
	- Triệt sản nam	Ca		-		-		
	Dụng cụ tử cung	Ca	9.190	5.551	60,4	4.397	64,9	-4,5
	Bao cao su	Ca	10.400	8.927	85,8	7.353	84,0	1,8
	Thuốc uống tránh thai	Ca	9.720	10.064	103,5	10.567	108,7	-5,2
	Thuốc tiêm tránh thai	Ca	4.130	1.194	28,9	2.131	53,9	-25,0
	Thuốc cấy tránh thai	Ca	340	166	48,8	192	66,2	-17,4
	Tổng số ca chết mẹ (TT Kiểm soát bệnh tật BC)	Ca		2	-	-		-
<b>XI</b>	<b>GIÁM ĐỊNH Y KHOA</b>							
	Tổng số giám định đối tượng:		<b>830</b>	<b>998</b>	120,2	<b>810</b>	<b>97,6</b>	22,6
1	- Khám sức khỏe người nghỉ hưu trí	Người	220	150	68,2	202	91,8	-23,6
2	- Thương binh	Người	-	7	-	6		
3	- Khuyết tật	Người	500	714	142,8	484	96,8	46,0
4	- Khám tai nạn lao động	Người	50	68	136,0	82	164,0	-28,0
5	- Giám định chất độc hoá học	Người	10	36	360,0	25	250,0	110,0
6	- Khám các loại khác:	Người	50	23	46,0	11	22,0	24,0
<b>XII</b>	<b>GIÁM ĐỊNH PHÁP Y</b>							
	Tổng số giám định	Vụ	180	283	157,2	195	97,5	59,7
<b>C</b>	<b>CÔNG TÁC KHÁM CHỮA BỆNH</b>		<b>KH 2023 Sở Y tế giao</b>					
	<b>Tổng số Giường bệnh</b>	<b>GB</b>	<b>3.235</b>	<b>3.235</b>	<b>100,0</b>	<b>3.235</b>	<b>100,0</b>	<b>0,0</b>
	TS giường bệnh tuyến tỉnh	GB	1.250	1.250	100,0	1.250	100,0	0,0
1	TS giường TTYT huyện	GB	1.150	1.150	100,0	1.150	100,0	0,0
	TS giường BV đa khu vực huyện	GB	190	190	100,0	190	100,0	0,0
	TS giường bệnh trạm Y tế, phường	GB	645	645	100,0	645	100,0	0,0
	<b>Tổng số Lần khám bệnh</b>	<b>Luợt</b>	<b>1.286.000</b>	<b>2.046.507</b>	<b>159,1</b>	<b>1.104.133</b>	<b>78,6</b>	<b>80,5</b>
	Bệnh viện tuyến tỉnh	Luợt	248.500	287.388	115,6	259.232	105,2	10,4
2	Trung tâm y tế huyện	Luợt	456.000	1.304.214	286,0	400.088	87,9	198,1
	Bệnh viện đa khoa khu vực	Luợt	61.500	50.731	82,5	50.087	80,1	2,4
	Trạm Y tế xã, phường	Luợt	520.000	404.174	77,7	394.726	61,7	16,0



B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Tăng giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8
3	<b>Tổng số Bệnh nhân điều trị nội trú</b>	BN	141.200	156.587	110,9	147.443	104,1	6,8
	Bệnh viện tuyến tỉnh	BN	62.400	72.746	116,6	69.880	116,5	0,1
	Trung tâm y tế huyện	BN	68.000	74.835	110,1	69.205	98,4	11,7
	Bệnh viện đa khoa khu vực	BN	10.800	8.984	83,2	8.338	73,8	9,4
	Trạm Y tế xã, phường	BN		22		20		0,0
4	<b>Tổng số Ngày điều trị nội trú</b>	Ngày ĐT		1.014.573	-	922.105		0,0
	Bệnh viện tuyến tỉnh	Ngày ĐT		542.482		504.690		0,0
	Trung tâm y tế huyện	Ngày ĐT		422.029		371.531		0,0
	Bệnh viện đa khoa khu vực	Ngày ĐT		50.062		45.884		0,0
5	<b>Tổng số bệnh nhân điều trị ngoại trú</b>	BN	24.320	51.004	209,7	69.007	212,3	-2,6
	Bệnh viện tuyến tỉnh	BN	11.700	10.934	93,5	14.397	114,3	-20,8
	Trung tâm y tế huyện	BN	11.800	14.137	119,8	25.998	134,7	-14,9
	Bệnh viện đa khoa khu vực	BN	820	420	51,2	3.518	586,3	-535,1
	Trạm Y tế xã, phường	BN		25.513		25.094		0,0
6	<b>Tổng số bệnh nhân chuyển tuyến</b>	BN		65.308		57.594		0,0
	Bệnh viện tuyến tỉnh	BN		8.897		7.034		0,0
	Trung tâm y tế huyện	BN		19.145		17.403		0,0
	Bệnh viện đa khoa khu vực	BN		5.451		3.803		0,0
	Trạm Y tế xã, phường	BN		31.815		29.354		0,0
7	<b>Tổng số bệnh nhân chết tại BV</b>	BN		66		120		0,0
8	<b>Tổng số lần xét nghiệm</b>	Lần		4.683.502		2.333.482		0,0
9	Tổng số lần chụp điện (X quang)	Lần		239.276		220.038		0,0
	Tổng số lần siêu âm	Lần		235.927		197.672		0,0
	Tổng số lần điện tim	Lần		62.199		55.221		0,0
	Tổng số lần nội soi	Lần		70.105		59.680		0,0
	Tổng số lần điện não	Lần		1.239		411		0,0
	Tổng số lần chụp cắt lớp	Lần		35.341		30.936		0,0
	Tổng số lần chụp cộng hưởng từ	Lần		4.038		2.885		0,0
10	<b>Tổng số ca phẫu thuật</b>	Ca		18.061		16.577		0,0
11	<b>Tổng số ca tiểu phẫu</b>	Ca		542.103		396.019		0,0
12	<b>Công suất sử dụng giường bệnh ( % )</b>							
	Bệnh viện tuyến tỉnh	%	100,0	118,9	118,9	110,6		118,9
	Bệnh viện đa khoa huyện	%	100,0	100,5	100,5	88,5		100,5
	Bệnh viện đa khoa khu vực	%	95,0	72,2	76,0	66,2		76,0

B	CÁC DỰ ÁN	Đơn vị tính	KH 2023	Thực hiện 12 tháng 2023	% HT KH	Thực hiện 12 tháng 2022	% HT KH	Tăng giảm (%) HTKH
1	2	3	4	5	6=5/4*100	7	8	9=6-8
13	Ngày điều trị trung bình							
	Bệnh viện tuyến tỉnh	Ngày ĐT		7,5		7,2		0,0
	Bệnh viện đa khoa huyện	Ngày ĐT		5,6		5,4		0,0
	Bệnh viện đa khoa khu vực	Ngày ĐT		5,6		5,5		0,0

TT	Khám và Điều trị Y học Dân tộc, Dùng thuốc Nam (Từ 01/01/2023 đến 31/12/2023)	Tổng số	Tổng số Khám	Điều trị Nội trú	Điều trị ngoại trú	Dùng thuốc Nam
	<b>Tổng số</b>	<b>316.671</b>	<b>110.697</b>	<b>36.025</b>	<b>28.825</b>	<b>141.124</b>
1	Bệnh viện Đa khoa tỉnh	12.589	10.793	1.030	457	309
2	Bệnh viện Y dược Cổ truyền	25.209	10.337	6.349	544	7.979
3	Bệnh viện Suối khoáng Mỹ Lâm	28.844	677	24.435	742	2.990
4	Thành phố Tuyên Quang	66.213	17.791	-	24.211	24.211
5	Huyện Yên Sơn	63.530	33.636	1.410	441	28.043
6	Huyện Sơn Dương	41.113	27.285	1.323	148	12.357
7	Huyện Hàm Yên	24.977	2.294	580	567	21.536
8	Huyện Chiêm Hóa	30.125	2.304	698	1.056	26.067
9	Huyện Na Hang	11.360	5.580	200	396	5.184
10	Huyện Lâm Bình	12.711	-	-	263	12.448

**CÔNG TÁC ĐIỀU TRỊ 12 THÁNG NĂM 2023**



TT		Toàn tỉnh	BV Đa Khoa tỉnh	BV Phổi	BV Y được	BV Tuổi Khoáng ML	BV Hương Sen	TTYT Thành phố TQ	TTYT Lâm Bình	TTYT Chiêm Hoá	TTYT Hàm Yên	Yên Sơn		Sơn Dương		Na Hang	
												TTYT Yên Sơn	BV ATK	TTYT Sơn Dương	BV Kim Xuyên	TTYT Na Hang	BV Yên Hoa
1	<b>TS giường bệnh</b>	3.235	780	100	200	70	100	75	125	450	330	395		420		190	
	TS giường tuyến tỉnh	1.250	780	100	200	70	100										
	TS giường TTYT huyện	1.150							85	335	240	200		200		90	
	TS giường BVĐKKV	190											70		80		40
	TS giường TYT, phường	645						75	40	115	90	125		140		60	
2	<b>TS lần khám bệnh</b>	2.046.507	251.501	12.769	10.337	6.569	6.212	71.370	58.272	192.854	182.383	1.024.874		169.714		59.652	
	BV Tuyên tỉnh	287.388	251.501	12.769	10.337	6.569	6.212										
	TTYT huyện	1.304.214							28.736	118.505	121.154	926.638		86.400		22.781	
	BVĐK khu vực	50.731											15.301		25.457		9.973
	Trạm y tế xã, phường	404.174						71.370	29.536	74.349	61.229	82.935		57.857		26.898	
3	<b>TS BN điều trị nội trú</b>	156.587	61.341	1.389	6.349	2.113	1.554	-	4.401	22.051	18.553	13.962		18.019		6.855	
	BV Tuyên tỉnh	72.746	61.341	1.389	6.349	2.113	1.554										
	TTYT huyện	74.835							4.401	22.051	18.553	10.968		14.022		4.840	
	BVĐK khu vực	8.984											2.972		3.997		2.015
	Trạm y tế xã, phường	22						-	-	-	-	22		-		-	
4	<b>TS ngày điều trị nội trú</b>	1.014.573	354.996	24.154	90.618	25.671	47.043	-	24.305	133.187	76.140	84.640		118.336		35.483	
	BV Tuyên tỉnh	542.482	354.996	24.154	90.618	25.671	47.043										
	TTYT huyện	422.029							24.305	133.187	76.140	66.243		96.804		25.350	
	BVĐK khu vực	50.062											18.397		21.532		10.133
5	<b>TSBN điều trị ngoại trú</b>	51.004	6.284	547	544	74	3.485	25.251	179	1.246	3.200	3.842		6.000		352	
	BV Tuyên tỉnh	10.934	6.284	547	544	74	3.485										
	TTYT huyện	14.137							179	1.246	2.938	3.842		5.580		352	
	BVĐK khu vực	420											-		420		-
	Trạm y tế xã, phường	25.513						25.251	-	-	262	-		-		-	



TT	Chỉ tiêu đv	Toàn tỉnh	BV Đa Khoa tỉnh	BV Phôi	BV Y được	BV Suối Khoáng ML	BV Hương Sen	TTYT Thành phố TQ	TTYT Lâm Bình	TTYT Chiêm Hoá	TTYT Hàm Yên	Yên Sơn		Sơn Dương		Na Hang	
												TTYT Yên Sơn	BV ATK	TTYT Sơn Dương	BV Kim Xuyên	TTYT Na Hang	BV Yên Hoa
6	<b>TS BN chuyển tuyến</b>	65.308	8.038	173	256	405	25	28.511	1.027	2.583	5.810	10.262		6.314		1.904	
	BV Tuyến tỉnh	8.897	8.038	173	256	405	25										
	TTYT huyện	19.145							1.027	2.554	5.648	5.588		3.512		816	
	BVĐK khu vực	5.451										1.968		2.565		918	
	Trạm y tế xã, phường	31.815						28.511	-	29	162	2.706		237		170	
7	<b>TS BN chết tại BV, TTYT huyện</b>	66	26	1	-	-	-	-	-	19	14	0		4		2	
												-	-	2	2	-	2
8	TS lần xét nghiệm	4.683.502	1.365.606	5.057	51.685	21.053	3.464	-	40.813	451.209	2.203.053	173.944	14.881	235.174	35.623	59.887	22.053
9	Tổng số lần chụp điện	239.276	79.877	10.017	5.573	-			3.769	46.171	29.578	20.802	3.528	20.099	7.679	11.598	585
10	Tổng số lần siêu âm	235.927	98.821	1.708	3.885	1.414			3.829	38.132	36.065	16.897	4.457	17.058	5.275	5.888	2.498
11	Tổng số lần điện tim	62.199	32.192	1.387	953	987			161	12.458	2.861	6.390	8	3.902	-	900	-
12	Tổng số lần nội soi	70.105	29.790	513	-	291			66	12.561	2.861	5.250	295	12.194	4.151	2.133	-
13	Tổng số lần điện não	1.239	526	-	-	681			-	-	32	-	-	-	-	-	-
14	Tổng số lần chụp cắt lớp	35.341	23.532	599	-	-				5.210	4.635	-	-	1.365	-	-	-
15	TS lần chụp C.hương tử	4.038	4.038														
16	Tổng số ca phẫu thuật	18.061	9.762	-	-	-			386	3.407	2.235	286	-	1.418	145	364	58
17	TS tiểu phẫu +Thủ thuật	542.103	322.121	319	655	23			4.803	46.158	59.154	1.599	6.295	68.608	3.103	28.991	274
18	<b>CX SD giường bệnh : (%)</b>		124,7	66,2	124,1	100,5	128,9	0,0	78,3	108,9	86,9	85,9		115,8		74,8	
	BV tuyến tỉnh	118,9	124,7	66,2	124,1	100,5	128,9										
	TTYT huyện	100,5							78,3	108,9	86,9	90,7		132,6		77,2	
	BVĐK khu vực	72,2										72,0		73,7		69,4	
19	<b>Ngày điều trị TB</b>		5,8	17,4	14,3	12,1	17,3	0,0	5,5	6,0	4,1	6,1		6,6		5,2	
	BV tuyến tỉnh	7,5	5,8	17,4	14,3	12,1	17,3										
	TTYT huyện	5,6							5,5	6,0	4,1	6,0		6,9		5,2	
	BVĐK khu vực	5,6										6,2		5,4		5,0	